

PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG

# HỎI - ĐÁP

VỀ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN  
CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC  
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  
(bổ sung, phát triển năm 2011)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung: ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG  
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH  
NGUYỄN MAI THẢO NHUNG  
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ  
Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHỈNH  
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯỜNG  
Đọc sách mẫu: NGUYỄN MAI THẢO NHUNG  
BÍCH LIỄU

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1459-2021/CXBIPH/2-12/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 298-QĐ/NXBCTQG, ngày 11/5/2021.

Nộp lưu chiếu: tháng 5 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-6775-7.

**HỎI - ĐÁP**  
**VỀ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN**  
**CƯỜNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC**  
**TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  
(bổ sung, phát triển năm 2011)

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

PGS.TS. Nguyễn Viết Thông

Hỏi - đáp về kết quả 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)/PGS.TS. Nguyễn Viết Thông. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 128tr. ; 19cm

ISBN 9786045763926

1. Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Cương lĩnh chính trị  
3. Thời kì quá độ 4. Chủ nghĩa xã hội 5. Sách hỏi đáp  
324.2597075 - dc23

CTM0416p-CIP

PGS.TS. NGUYỄN VIỆT THÔNG

**HỎI - ĐÁP**  
**VỀ KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN**  
**CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC**  
**TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  
(bổ sung, phát triển năm 2011)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
**Hà Nội - 2021**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được công bố tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng trong bối cảnh phần lớn các quốc gia vừa trải qua cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu và trong 10 năm qua vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn do tác động nhiều mặt về kinh tế, xã hội sau khủng hoảng. Cương lĩnh năm 2011 được bổ sung, phát triển trên cơ sở nghiên cứu lý luận với tư duy đổi mới và sự tổng kết thực tiễn đất nước qua hơn 20 năm đổi mới, thực tiễn thế giới với nhiều động thái, xu thế vận động mới đã làm sáng tỏ hơn những đặc trưng cơ bản của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, nhân dân ta phấn đấu xây dựng, những mục tiêu, phương hướng, những định hướng lớn trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống đất nước với tầm nhìn trung hạn, dài hạn.

Những quan điểm lớn trong Cương lĩnh năm 2011 là những tổng kết có ý nghĩa sâu sắc về lý luận và thực tiễn về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; xác định rõ hơn phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xác định được các mối quan hệ lớn cần nắm vững và giải quyết trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta;... Bên cạnh đó, Cương lĩnh cũng nêu rõ một số

hạn chế, bất cập như: việc nhận thức 9 mối quan hệ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế nhất định; nhiều nội dung cụ thể của 9 mối quan hệ chưa được làm rõ, sâu sắc hơn về mặt lý luận, mới dừng ở mức chung chung mang tính phương pháp luận,...

Nhằm giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ các nội dung của Cương lĩnh năm 2011, những thành tựu đạt được, những vấn đề còn hạn chế, bất cập, cần tiếp tục làm rõ để hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp về kết quả 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*** của PGS.TS. Nguyễn Việt Thông.

Cuốn sách gồm 10 câu hỏi, được trình bày ngắn gọn các nội dung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phát triển kinh tế; văn hóa, xã hội và con người; quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, biên tập, song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 01 năm 2021*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



## I- BỐI CẢNH THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011

***Câu hỏi 1:*** Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thực hiện trong bối cảnh nào?

***Trả lời:***

### *1. Bối cảnh quốc tế 2011 - 2020*

Sau khủng hoảng tài chính (năm 2008), kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi, nhưng chậm và không ổn định. Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi với sự trỗi dậy của các nước mới nổi và sự suy yếu tương đối của các nước phát triển. Các cường quốc mới nổi, nhất là Trung Quốc, và các nước Nga, Ấn Độ, ngày càng có ảnh hưởng đến các vấn đề toàn cầu.

Hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới. Tuy nhiên, xung đột vũ trang, xung đột văn hóa, sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên tiếp tục diễn ra phức tạp.

Các thể chế toàn cầu suy giảm vai trò, xuất hiện những liên kết mới, những cơ chế đa phương mới đan xen với các thể chế hiện hành. Một số định chế toàn cầu và khu vực như Liên hợp quốc (UN), WTO, EU, ASEAN, APEC... đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới để đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi, xu thế phát triển và tương quan lực lượng mới trên thế giới. Việc các nước, nhất là các nước phát triển, giảm cam kết đối với một số cơ chế đa phương đã tạo ra những thách thức mới cho các tổ chức quốc tế và khu vực.

Xu hướng toàn cầu hóa và mở cửa nền kinh tế vẫn tiếp tục, song đứng trước những thách thức mới, chủ nghĩa bảo hộ trở lại trở thành rào cản lớn đối với thương mại, đầu tư quốc tế. Xu hướng toàn cầu hóa đi vào chiều sâu với việc ký kết những Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới, sự liên thông ngày càng cao của các thị trường tài chính toàn cầu.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang diễn ra mạnh mẽ; tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong sự phát triển. Đổi mới sáng tạo trở thành động lực phát triển mới đang tạo ra những đột phá trong nhiều lĩnh vực.

Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nhất là các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu,

ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 cạn kiệt tài nguyên, bất bình đẳng giàu nghèo, già hóa dân số,... Ngoài ra, những biến đổi của cục diện thế giới với sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt, phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Đặc biệt, Biển Đông trở thành điểm nóng của bàn cờ chính trị quốc tế do tranh chấp chủ quyền và sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc.

## *2. Bối cảnh trong nước 2011 - 2020*

Những năm đầu, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế rơi xuống mức thấp nhất. Những năm gần đây, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tỷ lệ lạm phát giảm mạnh; nợ công và bội chi ngân sách giảm; cán cân thương mại bắt đầu có thặng dư. Nói chung, nền kinh tế đang có những bước chuyển biến tích cực. Văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, nhưng vẫn tồn tại nhiều bất cập, gây bức xúc trong nhân dân.

Hiến pháp năm 2013 thể chế hóa Cương lĩnh năm 2011, tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, chống tham nhũng, lãng phí... được đẩy mạnh và quyết liệt hơn, đạt được những kết quả quan trọng, nổi bật.

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Việt Nam đã tổ chức nhiều sự kiện quốc tế lớn, ký kết những hiệp định thương mại tự do quan trọng; các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh tế cho Việt Nam trong thời gian tới. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực, nhất là tình hình Biển Đông, quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Các tác động tiêu cực của internet, mạng viễn thông, mạng xã hội, lại bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá, đã tác động xấu đến một bộ phận xã hội, nhất là ở giới trẻ.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, bất thường tại nhiều vùng, ngày càng nghiêm trọng hơn cả về cường độ và tần suất, gây thiệt hại nặng nề, để lại hậu quả lâu dài, tác động lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

## **II- NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011, NHÌN LẠI 30 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991**

***Câu hỏi 2:*** Sự phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào?

***Trả lời:***

Cương lĩnh năm 2011 kế thừa, bổ sung, phát triển những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991, trình bày những vấn đề căn cốt nhất, những nguyên tắc và định hướng căn bản nhất trong đường lối xây dựng, bảo vệ đất nước trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI. Từ năm 2011 đến nay, các văn kiện Đảng đã quán triệt, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, đồng thời không ngừng cụ thể hóa, làm phong phú, sâu sắc hơn nội dung của Cương lĩnh, *tiếp tục làm sáng rõ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

*Một là, nhận thức về bối cảnh quốc tế trong thế giới đương đại.* Từ những dự báo, nhận định tổng quát, được trình bày trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng đã tiếp tục cập nhật những động thái, xu hướng, diễn biến mới ở khu vực, quốc tế, nhất là sự điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh, đấu tranh quyết liệt giữa các nước lớn; sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ... trong khi xu thế toàn cầu hóa vẫn tiếp tục phát triển; sự gia tăng các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...; đồng thời phân tích những tác động thuận, không thuận đến nước ta để chủ động ứng phó.

*Hai là, nhận thức về 8 đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa* được xác định trong Cương lĩnh năm 2011. Những năm qua, Đảng nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng. Nổi bật là nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, về vai trò và quyền làm chủ của nhân dân; về vị trí trung tâm của kinh tế - xã hội, về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về vai trò nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của văn hóa, vai trò chủ thể, động lực phát triển của con người; về

vai trò, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Đảng cũng nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thách thức đối với đất nước để tính toán các bước đi, thiết kế các hình thức tổ chức kinh tế, xã hội quá độ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng thời đoạn.

*Ba là, nhận thức về mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI* xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh năm 2011 là định hướng quan trọng. Đại hội XI, XII của Đảng và các hội nghị Trung ương (đặc biệt là các Hội nghị Trung ương 5, 7, 8 khóa XII) đã cụ thể hóa mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phấn đấu qua chiến lược phát triển 10 năm, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI.

*Bốn là, nhận thức về các phương hướng cơ bản.* Trong 10 năm qua, bám sát 8 phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng đã cụ thể hóa, bổ sung, làm sáng tỏ hơn phương hướng phát triển đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiếp cận theo tư duy mới gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nhấn mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh

tranh; phát triển nhanh, bền vững. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập, bảo đảm độc lập, tự chủ đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Phương hướng xây dựng văn hóa, con người; phát triển xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng và chỉnh đốn Đảng... được cụ thể hóa, bổ sung về nhận thức, ngày càng hoàn thiện, phong phú hơn. Đặc biệt, quan hệ gắn bó giữa 8 phương hướng cơ bản đã được Đảng nhận thức một cách khoa học theo tư duy tổng thể: “Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”<sup>1</sup>.

*Năm là, nhận thức về các mối quan hệ lớn*, Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, trong quá trình thực hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.17.



các phương hướng cơ bản, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn giữa: đổi mới, ổn định và phát triển; đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đây là sự khái quát ở tầm lý luận những vấn đề cốt lõi phản ánh quy luật vận động của cách mạng Việt Nam thời kỳ đổi mới. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 2011, trên cơ sở bám sát thực tiễn đổi mới, Đảng nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn ý nghĩa đặc biệt quan trọng của việc nhận thức, giải quyết các mối quan hệ lớn, đồng thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu mới. Văn kiện Đại hội XII của Đảng điều chỉnh quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”, bổ sung mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII phát triển mối quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường” thành “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”.

**Câu hỏi 3:** Nhận thức và thực tiễn về phát triển kinh tế qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?

**Trả lời:**

*1. Thành tựu*

*a) Về nhận thức*

Qua 10 năm (2011 - 2020), nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được bổ sung, phát triển, ngày càng hoàn thiện.

*Một là*, sự phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nhận thức là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Đó là nền kinh tế đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế

tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo vệ. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật.

- Đó là nền kinh tế có sự phát triển đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại hình thị trường, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực sản xuất; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất.

- Đó là nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; không ngừng củng cố, nâng cao tiềm lực kinh tế của đất nước, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước ngày càng lớn mạnh; đồng thời, tham gia tích cực vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, ký kết các hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Chủ động có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực từ bên ngoài vào kinh tế đất nước.

- Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường thể hiện ở vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; ở mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; ở quan hệ sở hữu, phương thức

tổ chức quản lý, quan hệ phân phối để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, ngăn ngừa, giảm thiểu các khuyết tật, tác động tự phát của cơ chế thị trường, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế trong từng giai đoạn; thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia và hưởng thụ thành quả phát triển.

*Hai là, sự phát triển nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

*Mười năm qua, nhận thức của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã có những phát triển mới cả về nội dung và phương thức thực hiện; phù hợp với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0), nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững cả kinh tế, xã hội, môi trường.*

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng doanh nghiệp, từng ngành, lĩnh vực; cơ cấu lại đầu tư, hệ thống thị trường, cơ cấu

lại các doanh nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp sang những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và thế giới.

- Tập trung phát triển những ngành công nghiệp có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp quốc phòng, an ninh, công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát triển công nghiệp sinh học, công nghiệp văn hóa, công nghiệp môi trường.

- Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, có giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý. Có chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất thích hợp, hiệu quả, thu hút mạnh các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, từng bước hình thành

các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở nông thôn.

- Phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistic, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất khác. Đổi mới, hoàn thiện thể chế để phát triển các dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm. Phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Phát triển mạnh kinh tế biển: Công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí; đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá; kinh tế hàng hải (đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển, dịch vụ cảng biển); du lịch biển đảo; phát triển năng lượng tái tạo và các khu kinh tế ven biển. Có cơ chế thu hút mạnh các nguồn lực để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững.

- Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, trọng tâm là hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại.

*b) Về thực tiễn*

Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả to lớn, quan trọng.

- Đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 và nhiều luật, văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước. Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được hoàn thiện, công khai, minh bạch, thông thoáng, thuận lợi hơn, bình đẳng hơn. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt nhiều kết quả tích cực.

- Các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp tiếp tục phát triển đa dạng. Việc đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh; kinh tế tập thể được

đổi mới, tiếp tục phát triển; kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng, có bước phát triển nhanh, có vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực.

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường tiếp tục phát triển, thị trường trong nước ngày càng gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Hầu hết giá cả hàng hóa, dịch vụ do thị trường xác định, giá cả do Nhà nước quy định ngày càng thu hẹp; đấu thầu cạnh tranh, công khai, minh bạch để xác định giá cả và phân bổ nguồn lực trở thành phổ biến; quan hệ cung - cầu đóng vai trò chủ yếu trong luân chuyển hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. Các thị trường phát triển về quy mô, vận hành ngày càng thông suốt, phương thức giao dịch ngày càng hiện đại. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ năm 2011 là 203,655 tỉ USD, năm 2019 đạt 517 tỉ USD tăng hơn 2,5 lần. Thị trường tài chính, tiền tệ phát triển nhanh, quy mô ngày càng lớn, cơ cấu ngày càng hoàn chỉnh, phương thức giao dịch ngày càng hiện đại.

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Mười năm qua, Việt Nam đã đàm phán, ký kết nhiều hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương, trong đó có nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, mức độ cam kết cao, nhiều lĩnh vực, với nhiều đối tác kinh tế lớn trên thế giới. Việt Nam đã tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức kinh tế, tài chính,



thương mại khu vực và thế giới, như WB, IMF, ADB, WTO, APEC, ASEAN, khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)... Hội nhập kinh tế quốc tế tạo nhiều thuận lợi, cơ hội cho kinh tế đất nước đẩy mạnh xuất, nhập khẩu, thu hút vốn, công nghệ nước ngoài, tạo việc làm, phát triển kinh tế đất nước. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 189 nước, quan hệ thương mại với 220 nước và vùng lãnh thổ.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Cơ cấu lại đầu tư đã chuyển căn bản từ kế hoạch đầu tư công hàng năm sang kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản giảm xuống. Các dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ. Thị trường tài chính được cơ cấu lại hợp lý hơn giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, giữa các thị trường cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Quy mô thị trường chứng khoán tăng nhanh. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu có kết quả tích cực, bảo đảm an toàn hệ thống. Cơ cấu lại, thoái vốn, cổ phần hóa, đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Các ngành, lĩnh vực kinh tế đều được cơ cấu lại, có bước phát triển tích cực. Tăng trưởng kinh tế đã giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô,

tăng vốn đầu tư. Công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng khẳng định vai trò dẫn dắt và động lực tăng trưởng. Nông nghiệp phát triển ổn định, từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Các ngành dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng, chất lượng và năng lực cạnh tranh nâng lên. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, logistic, tài chính, ngân hàng, vận tải, thương mại, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tư vấn pháp lý... đều phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm xây dựng, nhiều công trình, dự án kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình giao thông quan trọng, như các tuyến đường cao tốc, cảng hàng không, cảng biển được đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng. Hệ thống hạ tầng năng lượng, thủy lợi được đầu tư xây dựng, nâng cấp; hạ tầng thông tin, truyền thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại. Hạ tầng đô thị, nhất là ở các đô thị lớn, như các trục giao thông chính, các đường vành đai, đường sắt đô thị, đường tàu điện ngầm, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải... được tập trung đầu tư, phát triển.

## *2. Hạn chế, khuyết điểm*

### *a) Về nhận thức*

*Đến nay, vẫn còn nhiều vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về công nghiệp hóa,*

*hiện đại hóa đất nước chưa được làm rõ, như vai trò và định hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, của kinh tế tập thể, của kinh tế tư nhân, của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, của kinh tế có sở hữu hỗn hợp.*

Còn có những nội dung chưa được làm rõ về vai trò, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, như: Trong huy động, phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển; trong quyết định giá cả, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp, các loại thị trường, điều tiết lưu thông hàng hóa, dịch vụ, sản xuất và tiêu dùng xã hội; trong phát huy vai trò tích cực, khắc phục những hạn chế, khuyết tật của cơ chế thị trường và quản lý nhà nước. Các mối quan hệ khác cũng còn những nội dung chưa được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, như: mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực

hội nhập kinh tế quốc tế; mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

*b) Về thực tiễn*

*Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, tổ chức thực hiện chưa nghiêm, hiệu lực và hiệu quả chưa cao.* Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thật sự thông thoáng, còn nhiều “điểm nghẽn”, trở ngại do sự chồng chéo, mâu thuẫn trong luật pháp, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; các thủ tục hành chính phiền hà, “lợi ích nhóm” và sự nhũng nhieu của một bộ phận cán bộ, công chức... gây rất nhiều khó khăn, làm mất thời cơ, thời gian, tiền bạc của doanh nghiệp và người dân.

Huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực còn chưa theo cơ chế thị trường, kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí còn lớn, nhất là trong một số công trình, dự án trọng điểm quốc gia. Chưa hình thành, phát triển được những ngành công nghiệp mũi nhọn, thực sự là nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Kinh tế nhà nước chưa thể hiện được vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể phát triển chậm, kinh tế tư nhân chưa trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thiếu liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước. Hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết. Sự

kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội còn chưa chặt chẽ.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện còn chậm, kết quả đạt được còn hạn chế. Thoái vốn, cổ phần hóa, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu đề ra. Đầu tư công còn dàn trải, tình trạng kéo dài, đội vốn, chất lượng thấp, tham nhũng, lãng phí chưa được khắc phục. Giải quyết nợ xấu và những yếu kém trong hệ thống ngân hàng thương mại còn chậm. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước còn chậm chuyển biến, nợ công còn cao; hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách, tài sản công... chưa cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ chưa tạo được chuyển biến căn bản. Nông nghiệp phổ biến còn là sản xuất nhỏ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, bấp bênh, thiếu ổn định. Nhiều ngành công nghiệp có trình độ công nghệ thấp so với thế giới; tỷ lệ nội địa hóa còn thấp, tỷ lệ gia công, lắp ráp còn cao; tham gia vào chuỗi giá trị ở những phân khúc công nghệ và giá trị gia tăng thấp. Khu vực dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Các dịch vụ công nghệ cao phát triển còn chậm, chi phí logistic cao hơn mức trung bình thế giới. Hệ thống kết

cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp, Việt Nam vẫn là nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp.

**Câu hỏi 4: Nhận thức và thực tiễn về văn hóa, xã hội và con người qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?**

**Trả lời:**

1. Về xây dựng nền văn hóa và phát triển con người

a) Thành tựu

Một là, về nhận thức:

- Tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước. Cương lĩnh năm 2011, chỉ rõ: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ*”<sup>1</sup>. Văn kiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.75.

Hội nghị Trung ương 9 khóa XI nêu rõ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”<sup>1</sup>, trong mối quan hệ tổng thể, biện chứng, hữu cơ với sự phát triển bền vững đất nước.

- Nhận thức về chức năng xã hội của văn hóa cụ thể hơn, quan tâm hơn các chức năng về giải trí, kinh tế của văn hóa. Xác định xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, phát triển công nghiệp văn hóa là một trong những mục tiêu quan trọng cả trước mắt và lâu dài, điều kiện để góp phần tăng cường sức mạnh mềm của dân tộc, mở rộng ảnh hưởng văn hóa Việt Nam ra bên ngoài. Nhìn tổng quát, sự phát triển về nhận thức của Đảng được thể hiện thống nhất, xuyên suốt, vừa mang tính kế thừa, phát triển, vừa mang tính tổng thể, toàn diện, bao quát không chỉ trong lĩnh vực văn hóa mà còn lan tỏa và thể hiện rõ tác động của văn hóa với chính trị và kinh tế, vừa thể hiện bản sắc của văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nhận thức lý luận về nhân tố con người, vị trí, vai trò của con người cũng có nhiều điểm mới. Cương lĩnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48.

năm 2011, xác định: “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển*”<sup>1</sup>. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 khẳng định: Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu phát triển<sup>2</sup>. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước xác định: “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển*”<sup>3</sup>.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Nhận thức chung của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.76.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.100.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.126.



phát triển con người được nâng lên rõ rệt; công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện đã có những đổi mới, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Nhiều giá trị mới về văn hóa được bổ sung, phát triển. Môi trường pháp lý được tăng cường... Việc chăm lo, xây dựng con người cũng thu được nhiều kết quả tích cực. Nhiều chỉ số phát triển con người Việt Nam, như tuổi thọ, cơ cấu dân số, nguồn lực con người, xóa đói, giảm nghèo chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được coi vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều tỉnh, thành phố, cơ quan, công sở đã ban hành quy chế, nội quy, các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, ứng xử nơi công cộng, quan tâm tới sự hài lòng của người dân trong thực thi công vụ. Xây dựng văn hóa trong nhà trường, gia đình cũng được quan tâm.

- Bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, hoạt động nghệ thuật biểu diễn, sáng tạo đều được quan tâm, phát triển; xuất hiện một số tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao, mang ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc. Hệ thống thư viện, bảo tàng tiếp tục được đầu tư, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất.

- Các hội văn học nghệ thuật phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công tác nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật từng bước được củng cố. Hệ thống báo chí, thông tin truyền thông đã được quy hoạch lại một bước. Tỷ lệ người dùng điện thoại thông minh và internet ở Việt Nam ngày càng tăng. Việc hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm, tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả trên thực tế. Hợp tác, giao lưu quốc tế được quan tâm mở rộng.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức về phát triển văn hóa và con người còn nhiều hạn chế, chưa quán triệt sâu sắc và đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chưa thấy hết vai trò của văn hóa với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm, là động lực để phát triển bền vững đất nước; việc triển khai thực hiện đường lối của Đảng về văn hóa, con người chậm và chưa toàn diện. Chưa thực sự coi văn hóa ngang bằng với chính trị, kinh tế, xã hội. Việc thể chế hóa mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội còn lúng túng, chậm hơn so với nhu cầu thực tiễn. Thiếu các tiêu chí cụ thể về xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội, trong doanh nghiệp...; đầu tư cho hoạt động văn hóa chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng văn hóa để phát triển con người và xây dựng con người nhằm phát triển văn hóa chưa đầy đủ, rõ ràng. Vấn đề xây dựng hệ giá trị chuẩn mực, cụ thể hóa các đặc trưng văn hóa dân tộc, đặc tính con người Việt Nam chưa kịp thời, ảnh hưởng tới việc định hướng giá trị, giáo dục truyền thống và chống suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân hiện nay.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong nhân dân còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc dư luận xã hội. Tình trạng thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp ở một số cơ quan, trong đó có cả các lĩnh vực được xã hội tôn vinh, như giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh chậm khắc phục, thậm chí có mặt còn tăng lên. Bạo lực gia đình, bạo lực học đường và trong xã hội chưa được ngăn chặn kịp thời. Tác động phức tạp của mạng xã hội, đặc biệt là internet, Facebook và Google trong không ít trường hợp làm mất an ninh, an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục lớp trẻ.

- Chất lượng và hiệu quả một số hoạt động văn hóa còn hạn chế. Công tác bảo tồn các di sản còn bị động; việc xây dựng, khai thác các thiết chế văn hóa chưa

hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giáo dục đạo đức, nhân cách con người còn nhiều bất cập. Chất lượng sáng tạo, giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ, giáo dục lý tưởng cách mạng trong không ít tác phẩm còn mờ nhạt. Hợp tác quốc tế về văn hóa chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, hiệu quả thấp.

- Công tác nghiên cứu lý luận, phê bình văn học nghệ thuật còn lạc hậu, chưa đủ sức định hướng, điều chỉnh các hoạt động văn học, nghệ thuật một cách hiệu quả. Giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, lối sống trong thanh niên, thiếu niên chưa được quan tâm đúng mức. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc còn nhiều hạn chế. Quản lý an ninh mạng, mạng xã hội còn nhiều bất cập.

- Chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa triển khai chậm; một số lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, sân khấu, điện ảnh gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Hệ thống các thiết chế văn hóa truyền thống, văn hóa mới chưa được phát huy đầy đủ, chất lượng chưa cao, cá biệt có nơi còn hình thức, lãng phí. Xây dựng hệ thống pháp luật về một số lĩnh vực của văn hóa còn chậm.

- Sự chênh lệch, phân hóa về hưởng thụ văn hóa trong xã hội, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu

số, vùng đặc biệt khó khăn còn lớn, kinh phí đầu tư hạn chế; hủ tục lạc hậu trong tổ chức lễ hội ở một vài địa phương chậm được khắc phục.

## *2. Về giáo dục và đào tạo*

### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức của Đảng ta về giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên, thể hiện rõ hơn vai trò, vị trí, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo trong bối cảnh mới của đất nước. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “*Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu*”<sup>1</sup>. Hội nghị Trung ương 6 khóa XI khẳng định: “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách*”<sup>2</sup>.

- Mục tiêu, sứ mạng, trọng tâm và bước đi của sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã được nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn theo hướng “*Chuyển mạnh quá trình giáo*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.77.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội, 2012, tr.102.

dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Coi trọng chất lượng giáo dục, “phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học và công nghệ”, “Xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân, vì dân”, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, bám sát với thực tiễn phát triển đất nước cũng như xu hướng phát triển giáo dục trên thế giới. Chuyển mạnh từ tư duy bao cấp, khép kín sang thích ứng với cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xác định con người là trung tâm trong sự nghiệp phát triển giáo dục, gắn kết chặt chẽ với văn hóa, xã hội; khoa học và công nghệ, phù hợp với phát triển kinh tế, trong đó giáo dục phải đi trước một bước; trực tiếp góp phần phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là một yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng...

*Hai là, về thực tiễn:*

- Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đã có nhiều chuyển biến, chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được quan tâm... Phương châm học đi đôi với hành, nhà

trường kết hợp với gia đình và xã hội, lý luận gắn với thực tiễn cuộc sống được coi trọng. Hệ thống chương trình giáo dục được đổi mới; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh. Hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học phổ thông được tăng cường. Nhiều cơ sở đào tạo đã quan tâm tiếp cận chương trình theo chuẩn quốc tế, công bố chuẩn đầu ra.

- Đã có bước chuyển tích cực từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả; đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học đã gần hơn với đòi hỏi thực tiễn và chuẩn mực thế giới. Hệ thống giáo dục đã chuyển dịch theo hướng linh hoạt, liên thông, mở giữa các bậc học, cấp học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục và đào tạo; tiếp tục phát triển các trường ngoài công lập. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách. Đã có một số giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo. Trong 5 năm 2016 - 2020, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bình quân đạt khoảng 20% tổng chi ngân sách. Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm bình đẳng hơn về cơ hội học tập...

- Hợp tác quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Đã ban hành các văn bản, quy định pháp luật khuyến khích việc thu hút các tổ chức quốc tế, tổ chức giáo dục nước ngoài, các nhà khoa học, giáo dục tham gia vào đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Chưa nhận thức rõ bản chất và cơ chế phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, do đó dẫn đến tình trạng có nơi, có lúc không vận dụng phù hợp hiệu quả các yếu tố tích cực của cơ chế thị trường để phát triển giáo dục và đào tạo, chạy theo lợi nhuận, để các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường tác động xấu đến giáo dục và đào tạo. Chưa cụ thể hóa quan điểm “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, cùng với “khoa học và công nghệ là động lực then chốt” bằng các chính sách cụ thể, cơ chế thiết thực, hiệu quả. Nhận thức về định hướng giáo dục con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế còn khác nhau.

- Hệ thống giáo dục hiện nay vẫn trong tình trạng phân tán, nhiều chủ thể quản lý, việc phân cấp trong quản lý chưa triệt để, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa toàn diện, khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân chậm triển khai. Việc xây dựng xã hội học tập và học suốt đời còn nhiều bất cập cả về nhận thức và triển khai thực hiện.



*Hai là, về thực tiễn:*

- Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước. Kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ của người lao động Việt Nam còn hạn chế. Việc ban hành các chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới còn chậm so với yêu cầu đổi mới giáo dục. Vấn đề đổi mới đánh giá, thi ở các cấp học và trình độ đào tạo chưa căn bản. Hệ thống đánh giá kết quả giáo dục vẫn chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quốc tế.

- Chậm đổi mới phương pháp dạy học, chưa chú trọng đúng mức tới giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa, còn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục quốc dân còn chậm, còn có một số vấn đề chưa hợp lý và thiếu đồng bộ. Công tác phân luồng và hướng nghiệp cho học sinh còn bất cập.

- Cơ sở vật chất, điều kiện học, chất lượng giáo dục ở nhiều nơi còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có bước phát triển, nhưng nhìn tổng thể, chất lượng vẫn còn hạn chế, cơ cấu không hợp lý. Đầu tư cho giáo dục chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Công tác

quản lý cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn nhiều bất cập.

### *3. Về khoa học và công nghệ*

#### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển đất nước được nâng lên đáng kể. Khoản 1 Điều 62 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được xác định rõ hơn.

- Nhận thức rõ hơn về yêu cầu gắn kết khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xác định đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc; xác định rõ Nhà nước cần ưu tiên nguồn lực quốc gia để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, là nguồn

cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm hơn đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Hệ thống pháp luật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ ngày càng hoàn thiện, quản lý nhà nước từng bước được đổi mới. Đến nay, Quốc hội đã ban hành 8 đạo luật chuyên ngành, đặc biệt là Luật khoa học và công nghệ được Quốc hội khóa XIII thông qua. Nhiều nội dung về khoa học và công nghệ được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XI, XII, nhất là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 và các văn bản pháp lý khác đã tạo môi trường, điều kiện thúc đẩy môi trường sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phát triển.

- Tiềm lực khoa học quốc gia ngày càng được nâng lên, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành tiếp tục được đầu tư. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm được tăng cường. Đến đầu năm 2019, cả nước có hơn 63.000 cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), 3.590 tổ chức đăng

ký hoạt động khoa học và công nghệ, 13 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 8 khu công nghệ thông tin tập trung<sup>1</sup>. Đầu tư tài chính từ xã hội và doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ được cải thiện theo hướng tích cực.

- Khoa học và công nghệ đã đạt được một số thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước. Khoa học ứng dụng có khả năng thiết kế, chế tạo thành công nhiều công nghệ, thiết bị nội địa theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ mới, công nghệ cao trong một số ngành được nâng lên. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động. Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp thứ 45/126 quốc gia, năm 2019 xếp thứ 42/129 quốc gia<sup>2</sup>.

---

1. Xem [hdl.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-va-ung-dung-khcn--dmst-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-nhanh-ben-vung-dat-nuoc-trong-giai-doan-moi-html](http://hdl.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-va-ung-dung-khcn--dmst-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-nhanh-ben-vung-dat-nuoc-trong-giai-doan-moi-html).

2. Xem <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/12202/xep-hang-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-nam2017--viet-nam-tang-12-bac.aspx>.

- Đã có nhiều chuyển biến tích cực trong hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên liên hợp quốc, thiết lập khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với 30 đối tác chiến lược và toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam cùng các nước nâng tầm hợp tác vì lợi ích của mỗi nước và vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới<sup>1</sup>. Cơ chế, chính sách thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp về khoa học cho đất nước tiếp tục hoàn thiện.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò quốc sách hàng đầu, động lực then chốt của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội. Đóng góp của khoa học và công nghệ cho tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội còn nhiều hạn chế. Nhiều nhiệm vụ nghiên cứu chưa bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Đầu tư còn dàn trải, trùng lặp, hiệu quả không cao.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Chậm cụ thể hóa và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, định hướng quan trọng của Đảng,

---

1. Xem <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-su-kien/ngoai-giao-viet-nam-75-nam-dong-hanh-cung-dan-toc--614495/>.

Nhà nước về phát triển và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn. Nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập. Khoa học xã hội và nhân văn ở một số nơi vẫn còn bị coi nhẹ. Năng lực hấp thụ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu, còn khoảng cách không nhỏ so với các nước trong nhóm dẫn đầu của khu vực. Tư duy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có bước phát triển, song chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập.

- Hợp tác quốc tế chưa thực sự đi vào chiều sâu, thiếu trọng tâm, chưa chú trọng đến chuyển giao, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Một số chỉ tiêu lớn về khoa học và công nghệ chưa đạt được mục tiêu đặt ra, ví dụ mục tiêu đến năm 2020, khoa học và công nghệ đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế của Việt Nam còn rất thấp; tác động của khoa học và công nghệ đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

- Thể chế, cơ chế, chính sách, nhất là về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập,

chưa khuyến khích mạnh các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp, hấp thụ và phát triển công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới. Chưa có sự gắn bó chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội với phát triển khoa học và công nghệ và ngược lại, nhất là đối với các loại hình kinh tế, dịch vụ mới, hiện đại.

#### *4. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*

##### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Đảng ta khẳng định bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương... Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”<sup>1</sup> và “Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia”<sup>2</sup>. Vấn đề quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.72, 78.

hậu được nhận thức ở tầm toàn cầu, liên quan đến vận mệnh của loài người.

- Các nghị quyết của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã cụ thể hóa các quan điểm được nêu trong Cương lĩnh năm 2011: Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nội dung bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, được đưa vào trong chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, vùng và lãnh thổ<sup>1</sup>.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Hệ thống luật pháp về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng bước được hoàn thiện, tạo cơ sở cho hoạt động quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có hiệu quả hơn.

- Nền kinh tế đã bước đầu chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa vào nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên khoáng sản. Hình thành các phương thức mới trong phát triển kinh tế theo hướng chuyển từ “nâu” sang “xanh” trong nông nghiệp, du lịch, công nghiệp.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.98-99.



Bước đầu hình thành khung chính sách hỗ trợ, phát triển ngành kinh tế môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, khai thác, xử lý chất thải, nước thải.

- Công tác bảo vệ môi trường, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; ngăn chặn và kiểm soát việc nhập công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu, nguyên, nhiên, vật liệu không bảo đảm yêu cầu về môi trường có chuyển biến tích cực. Chủ động phối hợp với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong khắc phục hậu quả chất độc hóa học và bom mìn do chiến tranh để lại. Kiểm soát chất lượng không khí, nước khu vực đô thị, nông thôn được quan tâm hơn. Chú trọng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Có nhiều chuyển biến tích cực trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Đã có nhiều chủ trương, giải pháp căn bản cả trong nước và cam kết quốc tế được ban hành, cụ thể hóa trong mô hình tăng trưởng, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

- Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng lên một bước, kết cấu hạ tầng về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm đầu tư; thiệt hại về tài sản và người đã giảm đáng kể so với trước đây.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

Chưa nhận thức và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và người dân, nhất là người đứng đầu trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Còn tình trạng tư duy nhiệm kỳ, chỉ coi trọng lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ hoặc bỏ qua vấn đề môi trường.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Hệ thống thể chế, chính sách vẫn còn những bất cập, nhất là các vấn đề về quản lý, khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Hiệu lực quản lý nhà nước còn hạn chế, công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa kịp thời. Vai trò của truyền thông trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa được chú trọng đúng mức.

- Công tác quản lý khai thác tài nguyên vẫn còn nhiều bất cập, không bền vững, gây ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi; đất đai bị thoái hóa, giảm màu mỡ; tài nguyên nước bị khai thác thiếu quy hoạch, quá mức, đặc biệt là nguồn nước ngầm. Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Ô nhiễm môi trường ở một số nơi còn nghiêm trọng, chậm được khắc phục.

- Năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ sở vật chất còn hạn chế. Công tác dự báo chưa đáp ứng yêu cầu. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học và công nghệ để thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất còn bất cập.

## *5. Về quản lý phát triển xã hội*

### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Vấn đề quản lý phát triển xã hội đã được quan tâm hơn và dần chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Đại hội XII của Đảng lần đầu tiên vạch ra định hướng riêng về “Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”<sup>1</sup>. Quản lý phát triển xã hội được xác định vừa là mục tiêu, vừa là công cụ để thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.

- Nhận thức về mô hình quản lý phát triển xã hội cũng thể hiện rõ hơn, phù hợp với các giá trị chung của nhân loại, với ba yếu tố cấu thành, có quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là: mục tiêu phát triển đất nước; sự thay đổi cơ cấu xã hội cùng với các đặc điểm văn hóa, truyền thống; năng lực quản trị quốc gia và chất lượng thể chế.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.132.

*Hai là, về thực tiễn:*

- *Quản lý phát triển xã hội đạt được những chuyển biến tích cực.* Sau 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường đều đạt những thành tựu rất quan trọng.

- Chất lượng thể chế và năng lực quản trị xã hội của Nhà nước từng bước được nâng lên. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công, xóa đói, giảm nghèo; dân tộc, tôn giáo, được ban hành; các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư cho các vấn đề xã hội được nâng lên. Việc giải quyết những điểm nóng, bức xúc xã hội luôn được quan tâm, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi để đất nước phát triển.

- Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu thiên niên kỷ. Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên, nhóm nghèo và cận nghèo giảm mạnh, nhóm trung lưu đang hình thành và phát triển nhanh chóng. An ninh, an toàn của người dân được bảo đảm hơn.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, chỉ coi trọng phát triển kinh tế, coi nhẹ quản lý

phát triển xã hội; chưa đầu tư nghiên cứu, dự báo mang tầm chiến lược xu hướng biến đổi xã hội.

- Nhận thức về quản lý phát triển xã hội và quản trị xã hội chưa đủ rõ, một số cơ chế, chính sách xã hội còn chồng chéo, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội có những phương diện không theo hướng tích cực, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Nhóm nghèo và cận nghèo tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn, vùng khó khăn, rất khó tiếp cận việc làm và thụ hưởng các chương trình an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Việc mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội đối với lao động khu vực phi chính thức, lao động trong khu vực nông thôn còn hạn chế, bất bình đẳng về cơ hội chậm được khắc phục.

- Việc xử lý một số vấn đề bức xúc trong xã hội còn chậm, nhất là khiếu kiện, tranh chấp đất đai, tai nạn giao thông, bạo lực học đường, ô nhiễm môi trường, một số vấn đề dân tộc, tôn giáo... luôn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội.

*6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng*

*a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức của Đảng về dân tộc, vị trí và vai trò của vấn đề dân tộc trong xây

dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, về các nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc, về quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc. Xác định vấn đề dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc là: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, thương yêu, giúp nhau cùng phát triển, cùng gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nhận thức về tôn giáo, tín ngưỡng đã có bước phát triển quan trọng, xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc; tín ngưỡng và tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân; đạo đức, văn hóa tôn giáo có nhiều giá trị tích cực, phù hợp với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; mọi người đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo; Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Đã từng bước thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng, hình thành nhiều cơ chế, chính sách, chương trình mục tiêu ưu tiên phát triển vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nên nhiều chuyển biến rõ nét.

Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Giảm nghèo thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Bản sắc văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc được tôn trọng, bảo tồn, phát huy. Giáo dục, y tế có bước phát triển mạnh mẽ. Hệ thống chính trị vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số được củng cố. Tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong các cơ quan dân cử được bảo đảm.

- Quan điểm đổi mới của Đảng về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo được thể chế trong Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện nhiều chính sách, biện pháp và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào các tôn giáo, từ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đến giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, phát triển giáo dục, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Tín đồ, chức sắc các tôn giáo nhìn chung đã thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tôn giáo được củng cố, tăng cường. Tín ngưỡng truyền thống của các cộng đồng cư dân được tôn trọng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp được tôn trọng, phát huy trong đời sống. Bảo đảm các tôn giáo hoạt động theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước, rút ngắn thời gian công nhận tổ chức tôn giáo, công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

Nhận thức về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng có lúc, có nơi chưa đầy đủ, toàn diện. Chính sách dân tộc thiếu tính liên thông giữa kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và tầm nhìn dài hạn, giữa phát triển dân tộc với phát triển vùng và liên vùng, giữa ban hành chính sách và bố trí đủ nguồn lực thực hiện.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, hạ tầng cơ sở còn yếu kém. Thiếu cơ chế khơi dậy, phát huy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường của các dân tộc; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; quan hệ thị trường chậm phát triển; môi trường tự nhiên bị suy thoái. Việc triển khai một số chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, hiệu quả thấp; một số công trình đầu tư cho vùng dân tộc, miền núi còn để thất thoát, lãng phí, làm giảm lòng tin của nhân dân.

- Tuyên truyền, giáo dục luật pháp, vận động chức sắc tôn giáo ở những địa bàn phức tạp còn hạn chế. Phát huy nguồn lực tôn giáo trong quá trình thực hiện xã hội hóa một số lĩnh vực của đời sống còn lúng túng. Các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng tôn giáo để xuyên



tạc vắn đề nhân quyền ở Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lôi kéo, kích động một bộ phận tín đồ cực đoan, tạo nên các “điểm nóng”.

**Câu hỏi 5:** Nhận thức và thực tiễn về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?

**Trả lời:**

1. Về quốc phòng, an ninh:

a) Thành tựu

Một là, về nhận thức:

- Nhận thức về quốc phòng, an ninh có nhiều chuyển biến tích cực. Cương lĩnh năm 2011 đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”<sup>1</sup>. Đại hội XI của Đảng đã bổ sung “giữ vững chủ quyền biển, đảo”

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.81-82.

và “ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống” vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời nhấn mạnh “an ninh chủ động”. Đại hội XII của Đảng đã nâng tầm nhận thức, coi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn là: “Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”<sup>1</sup>.

- Đại hội XII nhấn mạnh thêm: kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh; xác định rõ hơn về mục tiêu, yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về quan hệ đối tác, đối tượng cụ thể hơn; về xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; có kế sách ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.148.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.148-149.

- Đã nhận thức ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn vị trí, vai trò và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, từ đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị khóa XII về quốc phòng, quân sự, an ninh. Xây dựng toàn diện nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; thế trận lòng dân được tăng cường, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tăng cường sự tham gia của toàn xã hội đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Tiềm lực quốc phòng được quan tâm xây dựng và từng bước được tăng cường; lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, từng bước hiện đại, theo hướng tinh, gọn và mạnh. Chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang được nâng cao,

thực sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chủ động phòng ngừa, tấn công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”; hoạt động chống phá, gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các loại tội phạm hình sự; ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai, dịch bệnh.

- Kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh được đẩy mạnh, góp phần củng cố và gia tăng mức độ tin cậy đối với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế.

- Thành quả cơ bản, quan trọng và bao trùm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh 10 năm qua là đã kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội, trật tự, an toàn xã hội và môi trường hòa bình để tập trung xây dựng, phát triển đất nước.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

Có nơi, có lúc nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nhận thức về xây dựng thế trận lòng dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, về nội hàm và mối quan hệ giữa an ninh truyền thống với an ninh phi truyền thống còn một số vấn đề chưa rõ.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ở một số địa phương, đơn vị chưa sâu sắc, thiếu kiên quyết, triệt để, thiếu những giải pháp mang tính chiến lược, tổng thể. Cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh chưa thật đầy đủ. Việc kết hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở một số nơi còn mang tính hình thức. An ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa thật vững chắc.

- Cuộc đấu tranh tư tưởng, chống các quan điểm sai trái, thù địch chưa đạt hiệu quả cao; những thông tin xấu, độc vẫn xuất hiện trên mạng xã hội chưa được ngăn chặn triệt để.

- Công tác dự báo, tham mưu chiến lược còn hạn chế trên một số mặt; có lúc, có nơi còn lúng túng trong dự báo, đánh giá, đối phó và xử lý tình huống về an ninh, trật tự ở cơ sở. Việc kết hợp các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở một số nơi, một số ngành còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

## *2. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế*

### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức về nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc và thực tế hơn.

- Nhận thức của Đảng ta về thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn là cơ sở quan trọng để xác định nhiệm vụ đối ngoại. Đảng ta xác định nhiệm vụ đối ngoại quan trọng nhất là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để tập trung phát triển đất nước. Xác định rõ mục tiêu hàng đầu của nhiệm vụ đối ngoại là bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, gần lợi ích của Việt Nam với quan tâm chung của khu vực và toàn cầu.

- Tư duy của Đảng về đối ngoại đa phương đã phát triển một cách có hệ thống, liên tục được bổ sung, điều chỉnh. Đại hội XII đã chỉ rõ định hướng lớn nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương. Đối ngoại đa phương chuyển từ “ký kết, gia nhập, tham gia” sang “chủ động và tích cực đóng góp xây dựng và định hình” các quy tắc, luật lệ mới; góp phần vào quá trình hình thành các cấu trúc khu vực và toàn cầu; tích cực tham gia vào những vấn đề quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước.

- Qua các kỳ đại hội, Đảng ta đã xác định rõ các quan điểm chỉ đạo, định hướng lớn đối với quá trình hội nhập quốc tế: thứ nhất, hội nhập quốc tế chủ động và tích cực; thứ hai, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị; thứ ba, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; thứ tư, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác là quan trọng và cần thiết; thứ năm, hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi; thứ sáu, hội nhập quốc tế vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước, giữ vững độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Chúng ta tiếp tục duy trì, củng cố môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, công tác đối ngoại đã được đẩy mạnh, đưa quan hệ với các đối tác ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, khuôn khổ ổn định, phục vụ thiết thực cho sự phát triển của đất nước. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng. Triển khai thực hiện có hiệu quả những quan hệ đối ngoại trong cộng đồng ASEAN, quan hệ với các nước láng giềng, các bạn bè truyền thống, quan hệ với các nước lớn, các thể chế đa phương như UN, IMF, WB, APEC...

- Việt Nam ngày càng chủ động trong hoạt động đối ngoại đa phương, tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Vị thế và vai trò của Việt Nam được khẳng định và không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Công tác đối ngoại đã góp phần trực tiếp vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần quan trọng thu hút nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển, tranh thủ khai thác vị thế đi lên của đất nước và hợp tác chính trị - ngoại giao cho phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân, ngày càng được triển khai đồng bộ, toàn diện.

- Hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Đồng thời hội nhập



quốc tế tạo điều kiện cho Việt Nam xác lập và tăng cường lòng tin chiến lược với các nước trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và dựa vào luật pháp quốc tế để bảo vệ độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia của Việt Nam.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức chưa đầy đủ về nội dung, tầm quan trọng và các nhân tố tích cực, tiêu cực của hội nhập quốc tế ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Chưa làm rõ mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau giữa hội nhập quốc tế và độc lập, tự chủ. Trong một số vấn đề, ở một số thời điểm, nhận thức chưa theo kịp tình hình, xu thế chung của quốc tế, chưa lường hết được những diễn biến phức tạp, nhanh chóng trong chính sách và quan hệ của các nước lớn, nhất là quan hệ Mỹ - Trung.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Việc triển khai đường lối và chính sách đối ngoại trong thực tiễn vẫn còn có những mặt chưa thật mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện, chưa khai thác thật tốt và hiệu quả cao quan hệ lợi ích đan xen, ổn định với các đối tác quan trọng. Chưa có đầy đủ các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để hạn chế tác động tiêu cực trong quan hệ quốc tế.

- Công tác nghiên cứu, tham mưu dự báo chiến lược đôi khi chưa theo kịp những chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực.

- Công tác thông tin đối ngoại còn một số bất cập.

**Câu hỏi 6: Nhận thức và thực tiễn về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?**

**Trả lời:**

1. Về xây dựng Đảng

a) Thành tựu

Một là, về nhận thức:

- Đảng ta xác định rõ hơn, đầy đủ hơn, cụ thể hơn bản chất của Đảng. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc<sup>1</sup>. Đến Đại hội XII, Đảng ta nêu rõ phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; giữ vững bản chất giai

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88.

cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên<sup>1</sup>. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của Đảng đã được hiến định rõ trong Điều 4 Hiến pháp năm 2013.

- Nhận thức ngày càng rõ hơn yêu cầu đối với Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền. Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ: Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức<sup>2</sup>. Đại hội XII của Đảng bổ sung, phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về đạo đức<sup>3</sup>, là nội dung yêu cầu quan trọng xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Cụ thể là:

+ Nhấn mạnh kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.46, 80.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.89.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.357.

đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu, vai trò tiên phong, gương mẫu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

+ Nhấn mạnh tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phải nhận diện rõ, đề ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp và kế hoạch cụ thể để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

+ Xác định việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

+ Nhấn mạnh phải tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Xác định xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung quan trọng trong mục tiêu xây dựng Đảng.

Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định về phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

*Hai là, về thực tiễn:*

Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường hơn. Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4, 6 và 7 khóa XII. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể như sau:

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách được nâng lên. Chủ trương, đường lối của Đảng đã được cụ thể hóa thành các giải pháp, chính sách cụ thể, được hiện thực hóa, đi vào cuộc sống, mang lại những thành tựu to lớn về mọi mặt, góp phần cải thiện không ngừng đời sống của nhân dân, nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Bước đầu ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường hơn, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Chủ động hơn trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”; việc đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đạt những kết quả tích cực. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm hơn.

Công tác lý luận đã được quan tâm, đặc biệt là trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn của công cuộc đổi mới<sup>1</sup>. Qua tổng kết đã góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng, phát hiện những vấn đề mới đang đặt ra, đề xuất những luận cứ lý luận - thực tiễn, làm cơ sở cho hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng.

---

1. Trong 10 năm qua, đã tiến hành nhiều cuộc tổng kết lớn: Tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, phục vụ yêu cầu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành Hiến pháp năm 2013; tổng kết hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa VII về công tác lý luận; tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016),...

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới và hoàn thiện. Tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, được đẩy mạnh sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về xây dựng đội ngũ cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng các quy chế, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ có tiến bộ.

- Coi trọng hơn về rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; chỉ đạo, tổ chức, triển khai đạt kết quả bước đầu trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh”, ban hành và tổ chức thực hiện có kết quả bước đầu các quy định về nêu gương, gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thực hiện có hiệu quả hơn; kỷ cương,

kỷ luật được tăng cường. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm<sup>1</sup> đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới. Áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị từng bước được cụ thể hóa và đổi mới. Trong 10 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết,

---

1. Từ Đại hội XII của Đảng đến ngày 31/12/2019, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.209 cán bộ, đảng viên liên quan đến tham nhũng, trong đó có hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (trong số đó có 21 Ủy viên Trung ương Đảng, 2 Ủy viên Bộ Chính trị, hơn 20 sĩ quan cấp tướng trong Quân đội và Công an).



kết luận, chỉ thị của Đảng trong hệ thống chính trị được coi trọng hơn, đạt những thành quả quan trọng.

- Việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được coi trọng hơn. Thực hiện có hiệu quả hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa đủ rõ về nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền.

- Nhận thức về một số nội dung công tác xây dựng Đảng mới dừng lại ở mức độ nhận thức chung là Đảng phải trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Nhiều vấn đề chưa được cụ thể hóa thành các quy định để thực hiện. Nhận thức về dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền còn hạn chế; chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. Nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đạo đức, về phương thức lãnh đạo của Đảng chưa được luận giải đầy đủ, sâu sắc...

*Hai là, về thực tiễn:*

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nội dung trong các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng chưa đạt được yêu cầu đề ra. Các nguyên tắc xây dựng Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, liên hệ mật thiết với nhân dân ở nhiều tổ chức đảng còn bị vi phạm.

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn diễn biến nhanh chóng, phức tạp; chưa giải đáp được kịp thời một số vấn đề mới do thực tiễn đặt ra; chưa coi trọng đúng mức tổng kết việc thực hiện các thí điểm.

- Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu tính chủ động, sức thuyết phục chưa cao, tính chiến đấu còn hạn chế; công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa kịp thời, thiếu chiều sâu, chưa đáp ứng các yêu cầu và sự quan tâm của nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các luận điệu thông tin xấu, sai trái, mang tính kích động, xuyên tạc trên mạng xã hội còn nhiều bất cập, hiệu quả hạn chế.

- Công tác tổ chức, cán bộ còn nhiều hạn chế. Tổ chức của một số cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội chưa tinh gọn, hoạt động chưa hiệu

lực, hiệu quả. Việc chỉ đạo khắc phục tình trạng yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa quyết liệt; còn lúng túng trong việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ và thiếu trách nhiệm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, cả đương chức và đã nghỉ hưu, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, còn biểu hiện “đặc quyền, đặc lợi”.

- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có những chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, nhất là từ cấp Trung ương, nhưng chưa đều, có hiện tượng “trên nóng, dưới lạnh”. Chưa coi trọng giám sát, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm. Vẫn còn có những vi phạm, khuyết điểm kéo dài, chưa được phát hiện, xử lý triệt để, gây hậu quả xấu trong xã hội.

- Công tác dân vận còn một số hạn chế. Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có những bất cập, sơ hở, khuyết điểm, chưa thật sự quán triệt quan điểm “dân là gốc”; chưa thật sự lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những bức xúc, tồn đọng kéo dài trong một bộ phận nhân dân đối với các vấn đề xã hội nhạy cảm như đất đai, môi trường; những vụ việc khiếu kiện phức tạp kéo dài trong nhân dân chưa được xử lý triệt để.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng.

## *2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Mười năm qua, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước có bước phát triển mới, nhất là về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, theo nguyên tắc tất cả quyền lực của Nhà nước thuộc về nhân dân.

- Nhận thức rõ hơn đặc trưng của Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân: 1) Bảo đảm thực thi đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. 2) Quyền lực nhà

nước được chế định và giới hạn một cách rõ ràng bằng Hiến pháp và luật. 3) Quyền lực nhà nước là thống nhất, mối quan hệ giữa các thiết chế lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước được điều chỉnh bởi nguyên tắc quyền lực của mỗi cơ quan đều được phân định rõ ràng, bảo đảm độc lập tương đối với nhau và có sự kiểm soát quyền lực lẫn nhau (quyền lực kiểm soát quyền lực) trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. 4) Thượng tôn pháp luật được bảo đảm trong mọi hành vi ứng xử của Nhà nước đối với xã hội và đối với thị trường. 5) Trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, các quan chức nhà nước được bảo đảm. 6) Độc lập trong hoạt động xét xử (độc lập về tư pháp) được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất (thể hiện cả trong cách thức tổ chức các cơ quan tư pháp, điều kiện bảo đảm về ngân sách, nguồn bổ nhiệm, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp, v.v.). 7) Xây dựng được hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, khả thi, thống nhất, đồng bộ, ổn định. 8) Phân định (phân cấp) thẩm quyền Trung ương, địa phương một cách rõ ràng, bằng luật định, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, từng bước thực hiện nguyên tắc tự quản địa phương. 9) Tôn trọng và thực thi đầy đủ cam kết quốc tế, tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị toàn cầu để góp phần vào sự phát triển chung của thế giới và bảo vệ thỏa đáng, có hiệu

lực lợi ích quốc gia, dân tộc. 10) Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Xác định rõ hơn nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Các quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện trong Cương lĩnh năm 2011 đã được thể chế hóa một bước quan trọng trong Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật của Nhà nước. Hệ thống pháp luật được sửa đổi, bổ sung và xây dựng ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn.

- Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và cơ chế hoạt động của các thiết chế trong bộ máy nhà nước (cả lập pháp, hành pháp, tư pháp; nhất là Quốc hội, thiết chế Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp) có những đổi mới và từng bước được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) các cấp có những đổi mới bước đầu.

- Nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được tuân thủ tốt hơn. Cải cách hành chính ở Trung ương và địa phương được đẩy mạnh. Hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từng bước được nâng lên. Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước từng bước được thực hiện.

Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước đã có những bước tiến nhất định. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước được triển khai.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức chưa đầy đủ về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất và cơ chế phân công, phối hợp, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Còn những hạn chế trong nhận thức về vị trí, vai trò, tính chất và mô hình của chính quyền địa phương.

- Chưa luận giải thấu đáo và đầy đủ về nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền. Nhận thức về kiểm soát quyền lực nhà nước còn những bất cập; nhận thức chưa đầy đủ và rõ về vai trò và cơ chế kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Nhà nước.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Chậm thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát trong thực thi quyền lực nhà nước. Chậm thể chế hóa trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, cũng như trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước...

- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Công tác lập pháp còn bất cập cả về quy trình và nội dung, chưa bảo đảm đầy đủ tính khoa học - thực tiễn. Hệ thống pháp luật còn nhiều tầng nấc, thiếu đồng bộ, mâu thuẫn lẫn nhau, hiệu lực chưa cao, tính công khai, minh bạch, tính khả thi, ổn định còn hạn chế. Vị trí, vai trò của công tác tư pháp chưa được coi trọng đúng mức. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Hệ thống các cơ quan tư pháp chậm được đổi mới, tăng cường năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của một nền tư pháp độc lập, công minh.

- Cơ chế bảo vệ pháp luật và tăng cường pháp chế chưa đầy đủ, còn hạn chế. Cơ chế và các thiết chế kiểm soát quyền lực chưa được chế định đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ và hiệu quả. Cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đối với các thiết chế của bộ máy nhà nước chưa hoàn thiện.

- Tổ chức, bộ máy công kênh, vận hành kém hiệu lực, hiệu quả. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, trong thi hành công vụ, trong chấp hành pháp luật còn nhiều yếu kém, thực thi pháp luật không nghiêm. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thiếu trách nhiệm giải trình đã và đang là những vấn đề bức xúc.



### *3. Về xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa*

#### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Dân chủ được xác định là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Nền dân chủ mà chúng ta xây dựng, phát triển và hoàn thiện là một tổng thể bao gồm các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội, các thể chế và cơ chế chính trị được bảo đảm về mặt pháp lý.

- Dân chủ phải được thể hiện trong hoạt động của hệ thống chính trị, trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Dân chủ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy dân chủ trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Phải nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, coi trọng thực hiện quyền con người, quyền công dân và đạo đức xã hội.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Đã chế định ngày càng đầy đủ hơn các thiết chế và cơ chế thực thi dân chủ. Thực hiện dân chủ đại diện và

dân chủ trực tiếp có những chuyển biến tích cực. Thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở được đẩy mạnh hơn. Dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có những chuyển biến tích cực.

- Sự tham gia của người dân trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước, giám sát các hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên được coi trọng hơn và ngày càng mở rộng.

- Dân chủ trong Đảng và trong hệ thống nhà nước, trong hệ thống chính trị có những bước tiến quan trọng. Tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan đảng và nhà nước được coi trọng hơn. Quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người và quyền công dân được thực hiện ngày càng tốt hơn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ngày càng có hiệu quả hơn. Nhà nước bảo đảm cho nhân dân thực hiện các quyền cơ bản, như quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do sáng tạo...

#### *b) Hạn chế, khuyết điểm*

##### *Một là, về nhận thức:*

Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong nhân dân còn nhiều hạn chế, chưa coi dân chủ là những giá trị to lớn của chế độ, của xã hội.

Nhận thức chưa đúng và đầy đủ việc thực hiện tốt dân chủ trong Đảng là hạt nhân của việc thực hiện dân chủ trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Còn tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật. Nghiên cứu lý luận và lý giải về bản chất của dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ và hệ thống.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Các thiết chế và thể chế để bảo đảm dân chủ và thực thi dân chủ vẫn còn chưa được ban hành đầy đủ, đồng bộ. Việc thực hiện dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp vẫn còn những hạn chế, ở không ít nơi chưa thực chất, còn mang tính hình thức.

- Các hình thức và phương thức thực hiện dân chủ chưa đa dạng, phong phú. Vẫn còn tình trạng chưa tôn trọng và bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn ở nhiều nơi và trong nhiều lĩnh vực. Việc thực hành dân chủ ở nhiều nơi, nhiều lúc còn mang tính hình thức. Dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan cùng sự độc đoán, chuyên quyền vẫn diễn ra ở một số nơi. Dân chủ trong Đảng, trong hệ thống nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ.

- Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và tổ chức đảng, chính quyền về thực hiện dân chủ chưa được quy định rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm... Việc thực hiện dân chủ chưa trở thành một giá trị xã hội phổ biến.

#### *4. Về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*

##### *a) Thành tựu*

*Một là, về nhận thức:*

- Nhận thức của Đảng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có bước phát triển mới; xác định Mặt trận Tổ quốc là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Nhận thức rõ hơn yêu cầu mới đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động, tập hợp, đoàn kết nhân dân, thực hiện dân chủ, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

- Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với các

thành viên trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh ngày càng hợp lý hơn.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Hệ thống tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cũng có những bước đổi mới, sắp xếp lại.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ngày càng phát huy tốt hơn chức năng của mình, tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. Chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

*Một là, về nhận thức:*

Nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị còn những điểm chưa được làm rõ. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn hạn chế, bất cập. Chưa nghiên cứu sâu và làm rõ một cách có hệ thống về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

*Hai là, về thực tiễn:*

- Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Chậm cụ thể hóa và thực hiện một cách thực chất cơ chế giám sát, phản

biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Trong các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có việc còn chồng chéo hoặc mang tính hình thức. Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình. Ở một số nơi, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia giải quyết những vụ việc gây bức xúc, “điểm nóng” trong xã hội và giám sát, phản biện xã hội.

**Câu hỏi 7: Đánh giá tổng quát 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)? Nêu giá trị và ý nghĩa của Cương lĩnh?**

***Trả lời:***

***1. Đánh giá tổng quát***

***a) Thành tựu***

Dưới ánh sáng của Cương lĩnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy trí tuệ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy các tiềm năng, nguồn lực của đất nước, tận dụng thời cơ, điều kiện thuận lợi của thời đại, tổ chức thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện,

manh mẽ, xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Ba mươi năm thực hiện Cương lĩnh đã tạo nên những thành tựu to lớn chưa từng thấy, mang lại sự phát triển có ý nghĩa lịch sử của đất nước.

*Thứ nhất*, qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh, Đảng đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường kiên định, củng cố nền tảng tư tưởng chính trị ngày càng vững chắc, giữ vững vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền.

Ba mươi năm lãnh đạo tổ chức thực hiện Cương lĩnh, Đảng luôn chú trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đạo đức, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống những biểu hiện suy thoái, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhờ vậy, Đảng đã giữ vững, phát huy vai trò lãnh đạo, cầm quyền đối với Nhà nước, xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước trong 30 năm qua.

*Thứ hai*, qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh, hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành và từng bước hoàn thiện.

Ba mươi năm qua, Đảng đã thường xuyên chú trọng nghiên cứu lý luận gắn với thể nghiệm, tổng kết thực

tiền đất nước; phân tích, dự báo tình hình thế giới; nghiên cứu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam, hình thành và từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận theo tinh thần đổi mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, yêu cầu của đất nước và thuận với xu thế phát triển của thời đại. Đó là lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội của nước ta trong bối cảnh thế giới đương đại; lý luận về mục tiêu, lộ trình tổng quát, những phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; lý luận về những mối quan hệ lớn phản ánh tính quy luật của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; lý luận về phương hướng, chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; lý luận về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị Việt Nam...

Hệ thống lý luận đó được thể hiện ngày càng sáng rõ trong các văn kiện của Đảng, được kiểm nghiệm và khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo trong thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc vô cùng sinh động. Hệ thống lý luận đó là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đặt nền tảng để chúng ta vững tin tiếp tục bổ sung, phát triển, không ngừng hoàn thiện.

*Thứ ba*, quán triệt và thực hiện tư tưởng, định hướng của Cương lĩnh, 30 năm qua, công cuộc đổi mới,



xây dựng và phát triển đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Từ nhận thức, quyết tâm chính trị của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đường lối của Đảng trong Cương lĩnh đã chuyển hóa thành hành động thực tiễn trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch hằng năm, 5 năm, chiến lược phát triển 10 năm... từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nhìn tổng quát, đất nước đã vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng những năm 80 của thế kỷ XX, đến cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI đã ra khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, thu nhập thấp; và đến nay đã trở thành quốc gia đang phát triển năng động, có thu nhập trung bình với một số chỉ số xã hội quan trọng tương đương với các nước có thu nhập cao hơn. Đời sống nhân dân được cải thiện một cách cơ bản, toàn diện. Uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng lên rõ rệt.

#### *b) Hạn chế, khuyết điểm*

Cương lĩnh mới đưa ra những tư tưởng chỉ đạo lớn, những định hướng tổng quát, cơ bản nhất với tầm nhìn rất xa đến khi kết thúc thời kỳ quá độ. Những thành quả đạt được trong 30 năm qua mới là những kết quả bước đầu. Còn nhiều hạn chế, bất cập phải giải quyết,

còn nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Về lý luận, vấn đề về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về thể chế tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới, về mô hình phát triển và quản lý phát triển xã hội, về Đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước... chưa được nghiên cứu thấu đáo. Nhận thức về mô hình phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, trên một số vấn đề lý luận khác còn những ý kiến chưa thống nhất.

Về thực tiễn, đất nước phát triển chưa bền vững. Năng suất lao động, trình độ phát triển, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều hạn chế, bất cập trong xây dựng, phát triển, quản lý văn hóa, xã hội chậm được khắc phục. Một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, thiếu đồng bộ, hoạt động thiếu hiệu lực, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức đông nhưng không mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Cuộc đấu tranh phòng,

chống tham nhũng, suy thoái còn nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp. Còn nhiều nút thắt, điểm nghẽn về nhận thức lý luận, thể chế, thiết chế cần tháo gỡ để đất nước phát triển nhanh - bền vững hơn trong giai đoạn mới.

## *2. Giá trị và ý nghĩa của Cương lĩnh*

Ba mươi năm thực hiện Cương lĩnh và nhất là 10 năm gần đây là khoảng thời gian đất nước ta có nhiều thuận lợi, thời cơ phát triển, đồng thời phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới, tác động toàn diện, trực tiếp đến tình hình đất nước. Đây là thời gian toàn Đảng, toàn dân kiên định, sáng tạo thực hiện đường lối của Đảng trong Cương lĩnh và chính thực tiễn sinh động của những năm qua đã khẳng định giá trị và ý nghĩa to lớn của Cương lĩnh của Đảng.

*Thứ nhất*, Cương lĩnh là ngọn cờ tư tưởng, tập hợp, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ hai*, Cương lĩnh là nền tảng lý luận để Đảng ta tiếp tục phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cụ thể hóa, từng bước hoàn thiện định hướng phát triển các lĩnh vực cơ bản của đất nước; định hướng xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

*Thứ ba*, giá trị tư tưởng, lý luận của Cương lĩnh được chuyển hóa thành hành động cách mạng, tạo nên những thành tựu to lớn trong thực tiễn.

### **III- DỰ BÁO BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP LỚN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

***Câu hỏi 8: Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước 2021 - 2030 như thế nào?***

***Trả lời:***

***1. Dự báo bối cảnh quốc tế 2021 - 2030***

- Tình hình thế giới sẽ có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn diễn biến ngày càng phức tạp, có nguy cơ gây mất ổn định trên quy mô toàn cầu. Tuy nhiên, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là dòng chính trong quan hệ giữa các quốc gia. Nguy cơ chiến tranh thế giới là khó xảy ra, song các cuộc chiến tranh sắc tộc, chiến tranh khu vực, xung đột tôn giáo và khủng bố quốc tế vẫn có khả năng bùng phát dưới những hình thức mới.

- Trong quan hệ giữa các nước lớn, hợp tác và cạnh tranh sẽ tiếp tục đồng hành, song cạnh tranh sẽ trở nên gay gắt hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ chi phối nhiều vấn đề của thế giới và khu vực, xoay quanh quyền chủ đạo trong việc thiết lập và chi phối các thể chế quốc tế, giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực. Tình hình Biển Đông có thể diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến an ninh, an toàn hàng hải, hàng không, ảnh hưởng xấu đến hòa bình, hợp tác phát triển ở khu vực.

- Quá trình toàn cầu hóa và liên kết quốc tế vẫn là xu hướng chủ đạo (bất chấp những biểu hiện của tư tưởng bảo hộ, những khó khăn cản trở trong ngắn hạn), sẽ làm thay đổi mạnh mẽ mọi mặt của đời sống thế giới theo chiều hướng tích cực, nhất là ở những nền kinh tế đang phát triển. Đặc biệt, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình toàn cầu hóa sẽ bước sang giai đoạn mới với những thay đổi sâu sắc và toàn diện hơn.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra những thay đổi to lớn và nhanh chóng trong đời sống, kinh tế và xã hội.

- Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng,

an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nước biển dâng sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực lớn và khó lường. Cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn đối với các thách thức an ninh phi truyền thống. Đặc biệt, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống có tác động đan xen nhau gây ra nhiều hệ lụy không nhỏ đến sự phát triển ổn định của thế giới; các bất ổn địa chính trị sẽ còn diễn biến nhanh, phức tạp. Đấu tranh trên không gian mạng ngày càng phổ biến và quyết liệt hơn; tội phạm trên không gian mạng trở thành hoạt động nguy hiểm và gây thiệt hại lớn trong xã hội, thậm chí còn nguy hiểm hơn các loại tội phạm khác.

- Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế, gây nên những chia rẽ và bất ổn, khiến quá trình liên kết giữa các quốc gia gặp nhiều trở ngại. Sự biến đổi của trật tự thế giới cũng khiến chủ nghĩa cường quyền, chủ nghĩa thực dụng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Những thách thức mang tính toàn cầu đòi hỏi cộng đồng quốc tế phải phối hợp để giải quyết có hiệu quả.

- Các thiết chế đa phương truyền thống đứng trước những thách thức lớn, đòi hỏi sự cải tổ sâu rộng khi bị

cạnh tranh với các thiết chế mới ra đời. Các nước đang phát triển, nhất là những nước nhỏ tiếp tục đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Khu vực Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, trong đó có ASEAN, sẽ là trung tâm kinh tế mới của thế giới, tuy nhiên đây cũng là nơi chịu ảnh hưởng cạnh tranh lớn giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc quá lớn vào thị trường, nguồn vốn và công nghệ bên ngoài, sẽ làm cho tính cạnh tranh tại khu vực này ngày càng sôi động. Các nước lớn sử dụng các thế mạnh và cơ hội hợp tác kinh tế với từng nước để thực hiện các mục tiêu chính trị, qua đó có thể làm gia tăng sự bất ổn của khu vực. Tình hình trên đòi hỏi dự báo phải được tiến hành thường xuyên và liên tục.

## *2. Dự báo bối cảnh trong nước 10 năm 2021 - 2030*

- Năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng tiếp tục được đổi mới và nâng cao. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện theo hướng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dân chủ xã hội được nâng cao; chính trị - xã hội ổn định.

- Nền kinh tế sẽ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô

ổn định. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện sẽ khơi thông các nguồn lực và tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại dựa vào đổi mới sáng tạo sẽ được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả. Tinh thần khởi nghiệp sáng tạo được phát huy; kinh tế tư nhân ngày càng có điều kiện phát triển, đóng góp lớn hơn cho sự phát triển chung của đất nước. Tăng trưởng kinh tế sẽ dựa chủ yếu vào năng suất các nhân tố tổng hợp, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; các thành phần kinh tế được tạo cơ hội phát triển bình đẳng, phù hợp và hiệu quả. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động lớn đến mọi lĩnh vực của nước ta. Vì thế, cần có chiến lược và chính sách ứng phó phù hợp để khai thác, tận dụng thành công những cơ hội và vượt qua các khó khăn, thách thức.

- Đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao, bảo đảm được các yêu cầu cơ bản về an ninh xã hội, phúc lợi xã hội. Bất bình đẳng thu nhập của Việt Nam ở mức vừa phải, thu nhập và đời sống người dân được nâng cao, an ninh và phúc lợi xã hội được bảo đảm. Tuy nhiên, xu hướng già hóa dân số nhanh sẽ gây



ra những biến động cần phải xử lý có hiệu quả. Cùng với quá trình già hóa dân số là sự trôi qua nhanh chóng của thời kỳ cơ cấu dân số vàng có thể kết thúc vào khoảng năm 2040, sẽ đặt ra thách thức rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các mối đe dọa, thách thức, nguy cơ đối với độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước diễn biến ngày càng phức tạp. Thách thức từ các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng lớn, đặc biệt là an ninh mạng. Các thách thức về suy thoái môi trường, nguồn nước và biến đổi khí hậu có tác động đến sự phát triển bền vững của đất nước. Nước ta sẽ cần phải thực hiện các giải pháp để không ngừng nâng cao tiềm lực mọi mặt của đất nước, đồng thời đưa ra và thúc đẩy các sáng kiến hợp tác quốc tế và khu vực để xử lý, ứng phó kịp thời, có hiệu quả những thách thức, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia, dân tộc.

Việt Nam tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thế và lực của đất nước được giữ vững và ngày càng lên cao. Vai trò của Việt Nam được mở rộng trên nhiều lĩnh vực, tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào hợp tác, phát triển, hòa bình thế giới và khu vực.

**Câu hỏi 9:** Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là gì?

**Trả lời:**

Trên cơ sở tổng kết lý luận, thực tiễn 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đề xuất một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển trong thời gian tới:

1) Trong bối cảnh và điều kiện quốc tế mới, có nhiều sự phát triển và thay đổi nhanh, mang tính đột phá, phức tạp và đa chiều, tác động đến sự phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới, do đó việc tiếp tục nghiên cứu, nhận thức sâu sắc và cập nhật về tính chất, đặc điểm của thời đại, bối cảnh và những yếu tố từ bên ngoài tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển của nước ta trở thành yêu cầu cấp thiết và thường xuyên. Nghiên cứu về sự phát triển có tính quy luật của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những thay đổi của nó để thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, nhất là các điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như quá trình xã hội hóa của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế tri thức.

2) Tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xác định rõ những vấn đề còn nguyên giá trị trong điều kiện hiện nay, những vấn đề đã bị thực tiễn vượt qua. Đặc biệt chú trọng nghiên cứu tổng kết quá trình Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, rút ra những bài học kinh nghiệm, những vấn đề cần đổi mới. Nghiên cứu các thành tựu mới về phát triển lý luận chính trị của thế giới, nhất là những thành tựu nghiên cứu về các mô hình, thể chế chính trị hiện đại, những vấn đề có tính quy luật trong việc giải quyết các quan hệ chính trị, các mâu thuẫn xã hội.

3) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, làm rõ và sâu sắc hơn cơ sở lý luận, cơ sở thực tế và những vấn đề có tính quy luật chi phối, quyết định bản chất, cấu trúc của mô hình ấy.

Tiếp tục nghiên cứu và gắn với tổng kết thực tiễn để làm rõ hơn các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa; làm rõ những thành công, hạn chế, các bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết các mối quan hệ đó trong thời gian qua, đề xuất các chủ trương, chính sách nhằm giải quyết có hiệu quả hơn các mối quan hệ đó trong thời kỳ mới.

4) Nghiên cứu để xác định rõ hơn cơ sở lý luận - thực tiễn và xây dựng mục tiêu, phương hướng xây dựng, phát triển đất nước ta từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Đặc biệt, cần tiếp tục làm rõ sự tác động của thời đại, của những giá trị chung nhân loại trong quá trình phát triển, đến việc xác định và thực hiện các mục tiêu, phương hướng phát triển của nước ta; bảo đảm cho đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hài hòa với những giá trị nhân văn, tiến bộ chung của thế giới.

5) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về thể chế kinh tế - xã hội và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ bản chất, đặc trưng và cơ chế vận hành của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ, tác động qua lại của thể chế kinh tế ấy với các lĩnh vực khác của đời sống chính trị - xã hội.

6) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về văn hóa và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với văn hóa và xã hội.

7) Tiếp tục nghiên cứu phát triển nhận thức lý luận về thể chế chính trị, hệ thống chính trị, về Đảng Cộng sản, Nhà nước, Nhân dân và mối quan hệ giữa các chủ thể quyền lực trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một đảng chính trị duy nhất cầm quyền.

8) Nghiên cứu những vấn đề có tính quy luật, những bài học kinh nghiệm về bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ gìn hòa bình và ổn định chính trị - xã hội cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta, gắn với coi trọng nghiên cứu những bài học và kinh nghiệm quốc tế. Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại; xác định công tác đối ngoại có ý nghĩa trọng yếu, thường xuyên, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

**Câu hỏi 10: Những định hướng lớn, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là gì?**

***Trả lời:***

***1. Định hướng tổng quát***

- Đẩy mạnh đổi mới toàn diện tư duy phát triển (tư duy về mô hình tăng trưởng, phát triển; tư duy về thể chế phát triển đồng bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; tư duy về thời cuộc; tư duy về động lực phát triển...), nhằm đáp ứng với đòi hỏi phát triển có tính bước ngoặt bứt phá của đất nước trong giai đoạn mới.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển nhanh, bền vững, đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái; xây dựng mô hình phát triển bền

vững phù hợp, hiệu quả đối với Việt Nam, tiếp cận với xu thế chung của thế giới. Đẩy mạnh phát triển toàn diện đất nước theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững để tạo động lực mạnh mẽ phát triển đất nước nhằm đạt được những mục tiêu nêu trên; trong đó, thể chế chính trị đóng vai trò “hoa tiêu, định hướng chính trị - xã hội, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển nhanh, bền vững”; thể chế kinh tế đóng vai trò trung tâm tạo động lực cho sự phát triển; thể chế phát triển văn hóa - xã hội đóng vai trò điều tiết hệ giá trị xã hội của quá trình phát triển.

- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới; vai trò, năng lực và phương thức lãnh đạo - cầm quyền của Đảng được đổi mới và nâng cao; vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa được hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả; vai trò chủ thể của nhân dân được khẳng định và phát huy.

- Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là, quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi

mối chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn và an ninh xã hội. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực quốc gia để thực hiện có hiệu quả cao đường lối chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

## *2. Về phát triển kinh tế*

- Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ cao, tận dụng có hiệu quả cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chuyển mạnh mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, quy mô và nội lực của nền kinh tế quốc gia.

- Đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của Việt Nam và hội nhập quốc tế trong mỗi bước phát triển.

- Xây dựng nền kinh tế Việt Nam mạnh trên cơ sở phát huy có hiệu quả cao vai trò khách quan, ưu thế, sức mạnh, hiệu quả của tất cả các chủ thể và lực lượng kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế nhà nước, đề cao và coi trọng hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân trong nước. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt vai trò định hướng điều tiết của mình. Hoàn thiện thể chế để kết nối các thành phần kinh tế, khu vực kinh tế trở thành một thực thể hữu cơ, gắn kết với nhau; thúc đẩy phát triển mạnh nội lực của nền kinh tế, trong đó coi trọng hợp tác, đối tác công tư nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội vào phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công. Nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào FDI và thị trường nước ngoài.

- Xây dựng chiến lược và cơ chế, chính sách để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn.



- Đẩy mạnh hoàn thiện chế độ đa sở hữu, nhất là chế độ sở hữu và quản lý đất đai, tài sản công; chế định đúng, công khai, minh bạch quyền, quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của từng chủ thể, nhất là các cơ quan nhà nước với vai trò vừa là đại diện chủ sở hữu toàn dân, vừa là chủ thể sử dụng, đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước; khắc phục tình trạng tham nhũng, tiêu cực để thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lành mạnh, hiệu quả.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa lớn, sử dụng tiết kiệm đất và các nguồn lực đầu vào, thân thiện và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu ở từng vùng, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Bảo đảm vững chắc an ninh, an toàn lương thực, thực phẩm.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển lực lượng sản xuất, gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phù hợp và hiệu quả trong từng lĩnh vực; đồng thời, nghiên cứu xây dựng và đổi mới hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp, hiệu quả, thích ứng với yêu cầu của bước phát triển cao hơn và hội nhập quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam (trong đó có thể hệ khởi nghiệp sáng tạo) biết gắn sự phát triển và lợi ích của mình với sự phát triển và lợi ích của dân tộc, trở thành một động lực trọng yếu phát triển nền kinh tế đất nước, là lực lượng chủ lực góp phần quan trọng vào “định vị” nền kinh tế Việt Nam trên thế giới.

- Hội nhập kinh tế quốc tế theo những quy tắc và chuẩn mực cao, nhằm thúc đẩy phát triển và phát huy tối đa nội lực, tận dụng các cơ hội và kết hợp có hiệu quả với các xu thế phát triển của thế giới, tham gia ngày càng sâu rộng và hiệu quả hơn vào các chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Nâng cao năng lực dự báo tác động của biến đổi tình hình thế giới và khu vực, trên cơ sở đó có những kịch bản ứng phó hiệu quả.

### *3. Về phát triển văn hóa, xã hội, con người*

Coi trọng phát triển con người, văn hóa, xã hội, với trọng tâm là hoàn thiện thể chế và tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển các lĩnh vực này, trở thành nhân tố nội sinh cơ bản cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

#### *a) Về phát triển văn hóa*

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc phát triển văn hóa là một trụ cột nền tảng mang tính bản chất, sức mạnh nội

sinh, động lực quan trọng của sự phát triển của dân tộc, đất nước.

- Xây dựng và thực hiện hệ giá trị Việt Nam - tổng hợp của hệ giá trị con người - hệ giá trị văn hóa - hệ giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, thiết chế để phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển văn hóa và con người.

#### *b) Về phát triển con người*

- Khẳng định con người là chủ thể của quá trình đổi mới, phát triển đất nước, dân tộc. Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển đất nước; đặt phát triển con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung phát triển những giá trị cốt lõi về con người, tạo động lực nội sinh cho sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, như: lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; năng lực đổi mới sáng tạo; trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, đề cao dân chủ gắn với ý thức thượng tôn pháp luật; năng lực liên kết, hợp tác và hội nhập...

- Xây dựng chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn mới, nhất là trong điều

kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; phát huy và phát triển những giá trị tích cực, hạn chế, khắc phục những mặt yếu.

*c) Về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội*

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi trong quá trình phát triển của xã hội hiện đại và nền kinh tế thị trường để hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, tập trung vào những nội dung bức thiết sau:

- Thực hiện nhất quán quan điểm phát triển xã hội là mục tiêu bao trùm và cao nhất của sự phát triển vì con người. Kiên định thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội tổng hợp theo các xu thế phát triển hiện đại, vừa bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, vừa hỗ trợ có hiệu quả đối với các đối tượng yếu thế; đồng thời góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững.

- Xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách để tạo nền tảng phát triển vững chắc đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoàn thiện chính sách phát triển giai cấp và các tầng lớp xã hội phù hợp với xu thế khách quan phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện nhất quán quan điểm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân theo đúng luật pháp, phát huy những giá trị tốt

đẹp và các nguồn lực tôn giáo trong xây dựng và phát triển đất nước.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế quản lý phát triển xã hội đáp ứng có hiệu quả với những biến đổi và tác động đa dạng, nhanh, phức tạp, đa diện, đa chiều đang diễn ra trên thế giới và tác động trực tiếp đến sự phát triển của Việt Nam; giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm ổn định và phát triển xã hội bền vững. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch, nhân ái; có khả năng “đề kháng” với những tệ nạn và tiêu cực xã hội; bảo đảm an ninh con người và an ninh xã hội; khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội.

#### *4. Về phát triển giáo dục - đào tạo với trọng tâm là phát triển con người*

- Xác định đây là nhân tố cốt lõi phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng với yêu cầu là chủ thể của quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Đẩy mạnh đổi mới tư duy giáo dục, nhận thức rõ bản chất và cơ chế phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình và phương thức, phương pháp giáo dục và

đào tạo theo hướng hiện đại, thích ứng với những bước phát triển mới của kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ và đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; lấy mục tiêu trung tâm là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện với tư cách là chủ thể quá trình phát triển đất nước hiện đại, nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, khung và chuẩn trình độ giáo dục và đào tạo quốc gia; đổi mới và hiện đại hóa nội dung, chương trình, phương thức và phương pháp giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

- Xác định nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là mục tiêu trung tâm, xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp và bậc học, đặc biệt thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhân lực trình độ cao. Ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, hiện đại, mũi nhọn có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển đất nước; từng bước phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại nghề nghiệp cho các lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp và mất việc làm trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tác động của việc ứng dụng công nghệ cao.

- Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới cơ chế đầu tư, chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; đồng thời hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo; xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

#### *5. Về phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo*

Tăng cường đầu tư gắn với hoàn thiện thể chế để thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, tạo động lực nền tảng cho phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm “khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu”, “là động lực then chốt” và phải được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách cụ thể. Tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều sâu, thúc đẩy phát triển kinh tế số. Phát triển hệ thống sáng tạo quốc gia, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp

đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm ứng dụng công nghệ và phát triển sản phẩm, các trường đại học và các viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu và phát triển (R&D); tạo cơ chế liên kết hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp trên cơ sở chia sẻ về trách nhiệm và lợi ích tương hỗ.

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, coi đây là một bộ phận hợp thành hữu cơ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế đất nước. Tiếp tục phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia gắn liền với phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tập trung triển khai các hướng nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ mới đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Xây dựng chương trình và cơ chế, chính sách quốc gia về đổi mới và phát triển công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ. Coi trọng phát triển khoa học xã hội - nhân văn và khoa học về con người làm nền tảng cho sự phát triển và quản lý phát triển xã hội văn minh, nhân văn, hiện đại.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ luật pháp, chính sách phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ;



xác định rõ vai trò chủ đạo của Nhà nước trong định hướng chiến lược và điều tiết đầu tư phát triển, vai trò trung tâm của các doanh nghiệp trong việc ứng dụng và phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất lao động trong cơ chế thị trường, vai trò then chốt của các cơ sở khoa học - công nghệ trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ gắn với ứng dụng vào thực tiễn.

- Tiếp tục tăng đầu tư của Nhà nước gắn liền với đổi mới cơ chế để nâng cao hiệu quả đầu tư; đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ xã hội, nhất là từ các doanh nghiệp để đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển các loại quỹ đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động khoa học - công nghệ, gắn liền cống hiến với hưởng thụ, lợi ích với trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội; bảo vệ sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ; tranh thủ nguồn lực và tri thức khoa học - công nghệ của các quốc gia tiên tiến; hình thành mạng lưới kết nối, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

## *6. Tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phải coi đây là vấn đề có tính chiến lược, ảnh hưởng đến “tồn vong lâu dài” của đất nước, của dân tộc. Phải quán triệt và thực thi nghiêm túc quan điểm “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”; xác định bảo vệ môi trường và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu là một nội dung trọng yếu của phát triển nhanh, bền vững đất nước.

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải bao hàm nội dung bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị, các làng nghề ở nông thôn. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường, tạo bước cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường sống.

- Nâng cao năng lực dự báo và giám sát về môi trường, biến đổi khí hậu, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường; xây dựng hệ thống các giải pháp về phát triển kinh tế, xã hội thích hợp và ứng phó có hiệu quả với

những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện và thực thi nghiêm túc hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao toàn diện hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật. Tích cực và chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

### *7. Về quốc phòng và an ninh*

- Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của hội nhập và hợp tác quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc và thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Có chính sách để xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ,

từng bước hiện đại; tập trung ưu tiên phát triển một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Xây dựng và kết hợp chặt chẽ thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân phù hợp và hiệu quả trong điều kiện mới. Chú trọng xây dựng thể trận lòng dân làm cơ sở để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Quán triệt và thực thi nhất quán phương châm, phương thức bảo vệ Tổ quốc: nâng cao năng lực, trình độ dự báo chiến lược; phát huy sức mạnh tổng hợp, có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột một cách tích cực, chủ động, linh hoạt, thực hiện trong âm, ngoài êm; kiên quyết, kiên trì thực hiện các giải pháp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc; tạo lập các quan hệ đối tác tin cậy, bền vững, cùng có lợi.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với các lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

### 8. Về đối ngoại

- Nhận thức rõ, sâu sắc các xu thế phát triển và biến động của thế giới và khu vực để có chủ trương chính sách và giải pháp chủ động tích cực ứng phó, thích nghi với tinh thần năng động, sáng tạo, hiệu quả. Kiên định và nhất quán thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa” trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, “hợp tác đi đôi với đấu tranh”. Tập trung phát triển mạnh quan hệ với các nước lớn, các đối tác chiến lược, các nước láng giềng, các nước trong khối ASEAN theo nguyên tắc hợp tác bình đẳng, cùng có lợi; xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện tin cậy, bền vững, cùng có lợi. Thúc đẩy tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, góp phần tích cực vào những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách hội nhập quốc tế để đáp ứng có hiệu quả cao với yêu cầu đưa quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, toàn diện hơn, nhất là khi tham gia những hiệp định thế hệ mới như CPTPP, EVFTA.

- Chủ động đẩy mạnh tham gia vào đối ngoại đa phương, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế

đa phương. Đồng thời đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương, đặc biệt là với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, tạo đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế; bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định để phát triển nhanh, bền vững đất nước.

- Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại; không để bị động, bất ngờ. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

### *9. Về xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị*

*a) Về đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:*

- Hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo các nguyên tắc: Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán

bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đường lối, chủ trương của Đảng được thể chế hóa và tổ chức thực hiện bởi Nhà nước và thông qua Nhà nước. Nhà nước hoạt động theo pháp luật và quản lý phát triển xã hội bằng pháp luật; hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước là sự thể hiện trực tiếp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước. Xác định rõ nội dung và thể chế hóa rõ hơn cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.

- Nâng cao năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, năng lực dự báo và điều chỉnh chiến lược phát triển toàn diện các lĩnh vực; gắn kết hữu cơ các mục tiêu ngắn hạn với các mục tiêu trung và dài hạn, lấy mục tiêu dài hạn để chi phối quá trình phát triển.

*b) Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*

- Nhận thức sâu sắc và thực chất dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là thể chế và động lực phát triển bền vững; dân chủ vừa là quyền, lợi ích, vừa là nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội của mỗi người dân, tổ chức, đoàn thể và cộng đồng. Dân chủ và kỷ cương, tuân thủ pháp luật là bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, “là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi vấn đề”.

- Để xây dựng và thực thi nền dân chủ phải hoàn thiện đồng bộ pháp luật, trong đó chế định rõ quyền, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, lợi ích, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình công khai, minh bạch của mỗi cá nhân, tổ chức, đoàn thể và đơn vị. Đặc biệt là chế định rõ và thực thi có hiệu quả các giá trị dân chủ trong Đảng, trong Nhà nước, và trong hệ thống chính trị làm cơ sở để phát huy dân chủ trong toàn xã hội. Chế định rõ hệ thống các tiêu chí về dân chủ trong tất cả các lĩnh vực, gắn liền với đó là chế định rõ cơ chế để thực thi và giám sát xã hội.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật pháp và quản lý thực thi các chính sách theo nguyên tắc pháp quyền và dân chủ, phản ánh đầy đủ ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân. Xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực của Đảng và Nhà nước từ



phía nhân dân, xã hội. Xây dựng thể chế để thực thi có hiệu quả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; thực hiện có hiệu quả dân chủ ở cơ sở; bảo đảm có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

- Hoàn thiện thể chế và bảo đảm các điều kiện để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt hoạt động giám sát và phản biện xã hội, hoạt động góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, kỷ cương, đề cao trách nhiệm công dân. Coi trọng kỷ luật, kỷ cương, gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ và đề cao đạo đức xã hội. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân.

*c) Về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

- Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới

hệ thống chính trị, xây dựng thể chế chính trị. Hoàn thiện đồng bộ các điều kiện, bảo đảm Nhà nước phản ánh đúng bản chất “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”. Nâng cao đồng bộ chất lượng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đề cao vai trò của tư pháp trong xây dựng Nhà nước pháp quyền.

- Đề cao nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước, trong xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, trong mọi hoạt động của Nhà nước, trong tất cả các hoạt động của xã hội theo nguyên tắc “người dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; còn các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép”.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị đất nước phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, với phương châm “liêm chính, kỷ cương, hành động, sáng tạo, bứt phá và hiệu quả”.

- Đổi mới mạnh mẽ và hoàn thiện thể chế quyền lực nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở với cơ chế phân cấp, phân công, phân quyền phù hợp và hiệu quả, theo các nguyên tắc: phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương, vừa bảo đảm sự lãnh

đạo tập trung thống nhất của Trung ương, vừa nâng cao tính tự chủ, tự quản, trách nhiệm giải trình, tính năng động, sáng tạo của địa phương, cơ sở.

- Hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương theo hướng xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với khu vực nông thôn, thành thị, hải đảo... Tiếp tục đẩy mạnh quá trình sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện (quận), xã (phường), các đơn vị, tổ chức trong hệ thống nhà nước phù hợp điều kiện và yêu cầu phát triển của giai đoạn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, cải cách tư pháp; xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng hệ thống đội ngũ cán bộ, công chức “thực đức, thực tài”, nâng cao năng lực, trình độ, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh xây dựng nhà nước kiến tạo và chính phủ điện tử, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội ở trình độ cao.

*d) Về xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*

- Tiếp tục khẳng định và nâng cao vai trò rất quan trọng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong xây dựng Đảng và Nhà nước, trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

- Đẩy mạnh đổi mới chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ tham gia vào hệ thống chính trị và chức năng, nhiệm vụ mang tính đặc thù của từng tổ chức đối với các thành viên, để xây dựng tổ chức và cơ chế hoạt động phù hợp, hiệu quả, khắc phục tình trạng nhà nước hóa, hành chính hóa.

- Thể chế hóa và chế định rõ cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng bảo đảm định hướng chính trị, tuân thủ thượng tôn pháp luật, đề cao tính tự chủ, tự quản và trách nhiệm xã hội của các tổ chức.

*đ) Về xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị và của từng tổ chức thành viên, trên cơ sở đó xây dựng mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, gắn liền với đó là đổi mới và hoàn thiện cơ chế vận hành của hệ thống chính trị từ Trung ương xuống cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị các cấp. Lấy mục tiêu hiệu lực, hiệu quả sự vận hành đồng bộ của cả hệ thống chính trị cũng như của từng tổ chức để xác định tiêu chí, điều kiện sắp xếp, sáp nhập, tinh giản tổ chức bộ máy ở từng cấp; chế định rõ hơn mối quan hệ về thẩm quyền và trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương.

*e) Về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng*

- Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức ngang tầm với đòi hỏi phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo “tiên phong, dẫn đường” của Đảng trong giai đoạn mới.

- Tập trung đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, năng lực định hướng chiến lược phát triển; đổi mới nội dung, phương thức, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là phương thức lãnh đạo, cầm quyền chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước. Bảo đảm Đảng thật sự là lực lượng tiêu biểu về trí tuệ, đạo đức, văn minh.

- Hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ đối với hệ thống chính trị; lãnh đạo xây dựng và chế định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí, cơ chế, quy trình công

tác cán bộ một cách công khai, minh bạch; chế định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp ủy, từng tổ chức, đơn vị, nhất là những người đứng đầu trong công tác cán bộ. Xây dựng và thực thi cơ chế dân chủ trong công tác cán bộ, cơ chế để các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giới thiệu và bày tỏ tín nhiệm đối với cán bộ, đảng viên.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
I- BỐI CẢNH THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011	7
<i>Câu hỏi 1: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thực hiện trong bối cảnh nào?</i>	7
II- NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 2011, NHÌN LẠI 30 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991	11
<i>Câu hỏi 2: Sự phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào?</i>	11
<i>Câu hỏi 3: Nhận thức và thực tiễn về phát triển kinh tế qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?</i>	16
<i>Câu hỏi 4: Nhận thức và thực tiễn về văn hóa, xã hội và con người qua 10 năm thực hiện Cương</i>	
	125

lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?	28
<i>Câu hỏi 5:</i> Nhận thức và thực tiễn về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?	55
<i>Câu hỏi 6:</i> Nhận thức và thực tiễn về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) như thế nào?	64
<i>Câu hỏi 7:</i> Đánh giá tổng quát 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)? Nêu giá trị và ý nghĩa của Cương lĩnh?	84
<b>III- DỰ BÁO BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP LỚN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045</b>	90
<i>Câu hỏi 8:</i> Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước 2021 - 2030 như thế nào?	90
<i>Câu hỏi 9:</i> Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là gì?	96



*Câu hỏi 10:* Những định hướng lớn, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là gì?

99

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, 36 B-00 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội;  
ĐT: 000.40221, Fax: 000.40222, Email: suthat@nxbchinhtriviet.vn, Website: www.nxbchinhtriviet.vn**

## **TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**Đảng Cộng sản Việt Nam  
Ban Chấp hành Trung ương  
Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII**

### **• BÁO CÁO 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011**

**Hội đồng Lý luận Trung ương**

### **• NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**PGS.TS. Trần Đình Thiên (Chủ biên)**

### **• CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ VIỆT NAM VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH (Sách tham khảo)**



9 786043 765926



8931279129486

**Giá: 42.000đ**